

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/8/2023
“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thế Nam và ông Nguyễn Như Tân.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:
bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: bà Cao Thị Thu T, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn Kiên Phước, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

Bị đơn: ông Trần Đức H, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn Kiên Phước, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2023, biên bản hòa giải ngày 12/5/2023 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Cao Thị Thu Thảo trình bày như sau:

Bà T và ông H yêu nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/4/2013, tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn thì vợ chồng bà T làm nhà riêng tại thôn Kiên Phước, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị và sống với nhau từ đó cho đến nay. Từ khi cưới cho đến đầu năm 2020, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến cuối năm 2020, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H ngoại tình với một người phụ nữ khác và có con riêng nên khi bà T biết được thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Khi biết chuyện này, bà Thảo cũng đã bỏ qua cho ông H với mong muốn ông H sẽ sửa chữa lỗi lầm của mình để cùng nhau chung sống nuôi dạy con cái. Tuy nhiên ông H không khắc phục sửa chữa lỗi lầm với bà T nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn mà vợ chồng không thể giải quyết được nên bà T làm đơn ly hôn. Sau khi nộp đơn ly hôn (ngày 03/4/2023) thì bà T bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình ở thôn Trà Liên Đông, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong sinh sống cho đến nay, hai vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Với

lý do đó nên bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài được. Vì vậy, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn ông H.

Về con chung: vợ chồng bà T và ông H có 02 người con chung là cháu Trần Đức N, sinh ngày 15/11/2013 và Trần Phương A, sinh ngày 10/5/2020. Nếu ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phương A, giao cháu Trần Đức N cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Đức H: tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 13/4/2023 và tại phiên hòa giải ngày 12/5/2023 ông H đồng ý với ý kiến của bà T về thời gian kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến bà T làm đơn ly hôn ông H. Theo ông H, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như bà T trình bày trên là đúng. Bản thân ông H cũng nhận ra sai lầm của mình và mong muốn bà T tha thứ cho ông H để ông H có cơ hội sửa chữa sai lầm và mong muốn đoàn tụ vợ chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, nếu bà T vẫn kiên quyết ly hôn thì ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng ông H và bà Thảo có 02 người con chung là cháu Trần Đức N, sinh ngày 15/11/2013 và Trần Phương A, sinh ngày 10/5/2020. Nếu ly hôn, ông H đồng ý theo ý kiến của bà Thảo giao cháu Trần Phương A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, còn ông H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đức N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Luật Hôn nhân gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Thu T, xử cho bà Cao Thị Thu T được ly hôn ông Trần Đức H; Về con chung: giao cháu Trần Phương A, sinh ngày 10/5/2020 cho bà Cao Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Đức N, sinh ngày 15/11/2013 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: bà Cao Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ngày 03 tháng 4 năm 2023, Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn bà Cao Thị

Thu T và bị đơn ông Trần Đức H theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông H cư trú tại xã Triệu Ái huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định. Ngày 13/4/2023, ông H có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Ngày 04/5/2023, Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/5/2023 và tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự. Ngày 12/5/2023, Tòa án tổ chức phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Ngày 05/7/2023, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 26/7/2023 và tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự. Ngày 26/7/2023, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo đúng thời gian và địa điểm đã ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, ngày 26/7/2023, bị đơn ông H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định đến ngày 04/8/2023 xét xử lại vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Cao Thị Thu T và ông Trần Đức H yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng làm nhà riêng và sinh sống tại thôn Kiên Phước, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Theo trình bày của các đương sự thì nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông H ngoại tình với một người phụ nữ khác và có con riêng. Bà T cũng đã bỏ qua tất cả để cho ông H có cơ hội sửa chữa lỗi lầm hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không hàn gắn được mà tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Hiện tại bà T bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình ở thôn Trà Liên Đông, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong sinh sống, từ đó cho đến nay, hai vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H cũng thừa nhận lỗi lầm của mình như bà T trình bày nhưng không có cách nào để thuyết phục được bà T quay trở lại đoàn tụ vợ chồng. Ngày 05/7/2023, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H tại chính quyền địa phương và trưởng thôn Kiên Phước, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong thì được biết: trong quá trình chung sống giữa bà Thảo và ông H thường xảy ra mâu thuẫn, và hiện tại vợ chồng bà T và ông H đã sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Qua xem xét đơn ly hôn của bà T, ý kiến trình bày của ông H và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà T tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của bà T xử cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông H mong muốn được đoàn tụ vợ chồng nhưng không có một giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai người vẫn sống ly thân nên yêu cầu của ông H về việc đoàn tụ vợ chồng không được chấp nhận.

[3] Về con chung: bà T và ông H có hai người con chung là cháu Trần Đức N, sinh ngày 15/11/2013 và cháu Trần Phương A, sinh ngày 10/5/2020. Hiện nay cháu Ngọc đang ở với ông H, cháu A đang ở với bà T. Về việc nuôi con, Hội đồng

xét xử thấy: trong đơn khởi kiện thì bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phương A, giao cháu Trần Đức N cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Mặc dù, ông H không có mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 13/4/2023 và tại phiên hòa giải ngày 12/5/2023, ông H cũng đồng ý giao cháu Trần Phương A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, còn ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đức N. Tại đơn trình bày nguyện vọng và biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2023, đối với cháu Trần Đức N thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố là ông Trần Đức H. Do đó, cần giao cháu Trần Đức N cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Phương A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: **áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà Cao Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Điều luật áp dụng: căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, xử:

- Về tình cảm: xử cho bà Cao Thị Thu T được ly hôn ông Trần Đức H.

- Về con chung: giao cháu Trần Đức N, sinh ngày 15/11/2013 cho ông Trần Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Phương A, sinh ngày 10/5/2020 **cho bà Cao Thị Thu T, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.** Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: bà Cao Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000403 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án lên Tòa án trên một cấp để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Triệu Ái;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hải

